

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/GPMT-UBND

Rạch Giá, ngày 31 tháng 7 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Cảng hàng không Rạch Giá - Chi nhánh Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP tại Văn bản số 19/CHK ngày 15/5/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án "Cảng hàng không Rạch Giá", nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND thành phố Rạch Giá ngày 15/5/2024 và bộ hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 467/TTr-TNMT ngày 24 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Cảng hàng không Rạch Giá - Chi nhánh Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Cảng hàng không Rạch Giá" tại địa chỉ: Số 418, đường Cách mạng Tháng Tám, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: "Cảng hàng không Rạch Giá".

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 418, đường Cách mạng Tháng Tám, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh: Mã số chi nhánh 0311938525-017 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh

Kiên Giang cấp lần đầu ngày 28/5/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 27/4/2016.

1.4. Mã số thuế: 0311938525.

1.5. Loại hình: Cảng hàng không.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Phạm vi: dự án được thực hiện tại số 418, đường Cách mạng Tháng Tám, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Quy mô dự án: Cảng hàng không Rạch Giá có diện tích 21.575,04m², với tổng mức đầu tư 165.377.741.680 đồng, thuộc lĩnh vực quy định tại điểm 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Cảng hàng không Rạch Giá - Chi nhánh Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Cảng hàng không Rạch Giá - Chi nhánh Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ~~31~~ tháng 7 năm 2024 đến ngày ~~31~~ tháng 7 năm 2034).

Điều 4. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./ *tham*

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND thành phố;
- Cảng hàng không Rạch Giá - Chi nhánh Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP ;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường TP;
- Công thông tin điện tử TPRG;
- UBND phường Vĩnh Lợi;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Bùi Trung Thực



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05/GPMT-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của Cảng hàng không Rạch Giá.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Ao sinh học phía sau Cảng hàng không Rạch Giá.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Dự án "Cảng hàng không Rạch Giá" tại địa chỉ: Số 418, đường Cách mạng Tháng Tám, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: Hồ ga nước thải sau xử lý trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận là Ao Sinh học 1 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}30'$, múi chiếu 3°) như sau: X: 1101517; Y: 569434

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $8,1\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy vào nguồn tiếp nhận.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải đạt QCVN 14:2008/BTMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, trước khi xả ra ao sinh học phía sau cơ sở cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
1	pH	mg/L	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1000
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S)	mg/L	4.0

6	Amoni (Tính theo N)	mg/L	10
7	Nitrat (NO_3^-)(tính theo N)	mg/L	50
8	Dầu mỡ động. thực vật	mg/L	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	10
11	Tổng Coliforms	mg/L	5000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải phát sinh tại cơ sở theo hệ thống thu gom dẫn tự chảy theo độ dốc đường ống thu gom tập trung hầm tự hoại để xử lý sau đó được đầu nối vào hệ thống ống dẫn chính thoát ra nguồn tiếp nhận là ao sinh học phía sau cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh, nước thải rửa tay từ lavabo → Tuyến ống chính thu gom nước thải → hầm tự hoại 3 ngăn → Tuyến ống thoát nước thải → Nguồn tiếp nhận (Ao sinh học phía sau cơ sở).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không có

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Đối với hệ thống các hầm tự hoại cơ sở định kỳ hút bùn trong hầm tự hoại, tần suất 06 tháng/lần: Các đường ống dẫn nước thải được kiểm tra, nạo vét khơi thông, không để tồn đọng, tắc nghẽn gây quá trình phân hủy yếm khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không có

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, đề nghị chủ dự án thực hiện đảm bảo các biện pháp bảo vệ môi trường, nhất là việc thu gom, xử lý nước thải: thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 2

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định môi trường số 65/GPMT-UBND ngày 31/7/2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chung loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chung loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở: Ước tính khoảng 476kg/năm. Bao gồm: Dầu hộp số và bôi trơn thải; pin, bóng đèn thải, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại... phát sinh từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị của cơ sở

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 231-324 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Thiết bị lưu chứa phải đảm bảo các quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bố trí 08 thùng bỏ rác nắp kín, (03 thùng loại dung tích 50 lít, 05 thùng loại dung tích 120 lít) để lưu chứa chất thải nguy hại dạng rắn và chất thải nguy hại dạng lỏng, các thùng chứa chất thải nguy hại phải có nắp đậy, nhãn dán, biển cảnh báo... theo quy định về quản lý chất thải nguy hại

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho: 20m²

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý xử lý chất thải này theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 37 thùng bỏ rác nắp kín, (14 thùng loại dung tích 10 lít, 08 thùng loại dung tích 30 lít, 12 thùng loại dung tích 50 lít, 03 thùng loại dung tích 120 lít) để lưu chứa các loại chất thải. Thường xuyên tuyên truyền và nhắc nhở cán bộ, công chức, nhân viên thực hiện phân loại rác tại nguồn và bỏ rác đúng nơi quy định.

Hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt đúng theo quy định. Tuần suất thu gom là 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của dự án, đảm bảo tuân thủ đúng quy định kỹ thuật về an toàn và môi trường.
- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường./